KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026
NHÓM TRẺ GHÉP TỪ 18 - 36 THÁNG TUỔI MƯỜNG PỒN

I. MỤC TIÊU – NỘI DUNG

<table>
<tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Độ tuổi</th><th rowspan="2">Mục tiêu</th><th colspan="2">Nội dung giáo dục</th><th rowspan="2">Chủ đề thực hiện</th><th rowspan="2">Điều chỉnh bổ sung</th></tr>
<tr><th>Chung</th><th>Riêng</th></tr>
<tr><td colspan="7">1. Lĩnh vực phát triển thể chất</td></tr>
<tr><td colspan="7">a) Phát triển vận động</td></tr>
<tr><td colspan="7">*Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</td></tr>
<tr><td rowspan="2">1</td><td>18-24 tháng</td><td>- Trẻ bắt chước một số động tác theo cô: Giơ cao tay – đưa về phía trước- sang ngang.</td><td rowspan="2">- Hô hấp: Tập hít (vào) thở ra
- Tay: Giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau
- Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên
- Chân: Ngồi xuống, đứng lên</td><td>- Chân: Dang sang 2 bên</td><td rowspan="2">1->9</td><td></td></tr>
<tr><td>24-36 tháng</td><td>- Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/ bụng và chân</td><td>- Tay: Đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay
- Lưng, bụng, lườn: Vặn người sang 2 bên.
- Chân: Co duỗi từng chân</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="7">*Tập các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</td></tr>
<tr><td>2</td><td>18-24 tháng</td><td>- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn)hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường1,8-2m</td><td>- Tập đi, chạy
+ Đi trong đường hẹp (2)
+ Đi có mang vật trên tay (5)
+ Đi theo hiệu lệnh (1)
+ Đi bước qua vật cản (gậy kê cao) (3)
+ Đi bước qua dây (vào các ô) (4)</td><td>- Tập đi, chạy
+ Đi theo hướng thẳng(6)
- Tập bước lên, xuống bậc thang (1,3,5)
- Bước lên xuống bậc có tay vịn (2,4,6,7, 8, 9)</td><td>1->9</td><td></td></tr>
</table>

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
			Chung	Riêng		
	24-36 tháng	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay		- Tập đi, chạy + Đi theo đường ngoằn ngoèo(6) + Chạy theo hướng thẳng (8) + Đứng co 1 chân (7) + Chạy đổi hướng (9)		
3	18-24 tháng	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay – mắt: Biết lăn-bắt bóng với cô	- Tập tung, ném bắt: + Tung bóng qua dây (5)	- Tập tung, ném. + Ngồi lăn bóng với cô (2) + Lăn bóng qua cổng + Đứng tung bóng (1) + Đứng ném bóng vào đích nằm ngang.(3,6)	1,2,3, 5,6,8	
	24-36 tháng	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay- mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1 - 1,2m.		- Tập tung, ném bắt: + Tung – bắt bóng cùng cô(2) + Tung bóng bằng 2 tay (1) + Ném bóng về phía trước (3,6) + Ném bóng vào đích (8)		
4	18-24 tháng	- Trẻ phối hợp tay chân, cơ thể trong khi bò, trườn, chui qua vòng, qua vật cản.	- Tập bò, trườn + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng (1,6) + Bò chui qua cổng (3,9)	- Tập bò, trườn. + Bò, trườn tới đích (7) + Bò chui (dưới dây/gậy kê cao) (5)	1->9	
	24-36 tháng	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.		- Tập bò, trườn + Bò qua vật cản (2) + Trườn qua vật cản (4)		

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
			Chung	Riêng		
				+ Bò thẳng hướng theo đường hẹp (7) + Bò theo đường ngoằn ngoèo (8)		
5	18-24 tháng	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng 1 tay lên phía trước được khoảng 1,2m, đá bóng lăn xa lên phía trước tối thiểu 1,5m		- Đứng ném (4) - Đá bóng (6) - Ném bóng qua dây (7)		
	24-36 tháng	- Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)		- Tập nhún bật + Bật tại chỗ (1) + Bật qua vạch kẻ (3,5) + Bật xa bằng 2 chân (4,8) + Nhún bật về phía trước (2) + Bật qua các vòng (7,9) + Đá bóng về phía trước (6) + Ném xa bằng 1 tay (4)	1->9	
Tập các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt						
6	18-24 tháng	- Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay		- Cầm bóp, gõ, đóng đồ vật - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay		
	24-36 tháng	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo"		- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau	1->9	

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
			Chung	Riêng		
				- Co duỗi ngón tay, đan ngón tay		
7	18-24 tháng	- Tháo lắp, lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 2-3 khối trụ	- Xếp chồng 4-5 khối (6-8 khối)	- Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông - Đóng, mở nắp có ren	1->9	
	24-36 tháng	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ		- Rót, nhào, khuấy, đảo, vò, xé(vò giấy, xé giấy, xé lá..) - Nhón nhặt đồ vật - Đóng cọc bàn gỗ - Tập xâu luồn dây (xâu vòng đeo tay, đeo cổ) - Tập cài, cởi cúc (cài cúc áo, cởi cúc áo, kéo khóa) - Tập buộc dây (buộc dây giầy, dây áo, dây gói bánh - Tập cầm bút tô vẽ: Vẽ tổ chim, vẽ cuộn len… - Chắp ghép hình - Lật mở trang sách.		
	**** Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.***					
8	18-24 tháng	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát (cơm) và các loại thức ăn khác nhau của địa phương: cá, thịt lợn, rau, canh…			
		- Trẻ thích nghi với chế độ với chế độ ăn cơm, các loại thức ăn khác nhau.		- Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống: Không khóc nhè,	1,2	

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
			Chung	Riêng		
	24-36 tháng			không nói chuyện, không làm cơm rơi vãi.		
9	18-24 tháng	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa 150 phút	- Làm quen (luyện tập) chế độ ngủ một giấc (trưa)		1, 2	
	24-36 tháng	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa 140 -150 phút.		- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ngủ		
10	18-24 tháng	- Trẻ biết "gọi" người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	- Tập thể hiện (tập nói với người lớn) khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	- Tập một số thói quen tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh + " Gọi" cô khi bị ướt, bị bẩn - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh.	1,2,3,4	
	24-36 tháng	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định		- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.		
11	18-24 tháng	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước)	- Tập xúc ăn bằng thìa (xúc cơm), uống nước bằng cốc (uống nước) - Làm quen với rửa tay, lau mặt (Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt)	- Tập ngồi vào bàn ăn		
	24-36 tháng	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh…)		- Tập tự phục vụ : + Đi dép, đi vệ sinh + Chuẩn bị chỗ ngủ: Lấy gối. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín, vứt rác đúng nơi quy định.	1,2,3	
12		- Trẻ biết chấp nhận: Đội mũ khi		- Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi	3,4,9	

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
			Chung	Riêng		
	24-36 tháng	ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh		quần áo khi bị bẩn, bị ướt; - Đội mũ khi ra nắng: Biết nắng làm mình bị ốm - Nhận ra sự thay đổi của thời tiết: Nóng, lạnh, mưa, gió,bão, mặc trang phục phù hợp với thời tiết để bảo vệ sức khỏe, mặc quần áo ấm khi trời lạnh		
13	18-24 tháng	- Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun…)khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm: dao, kéo, vật sắc nhọn, bỉnh nước nóng... - Nhận biết những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần ở trường lớp mầm non: (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng…) - Biết cần phải tránh xa khu vực nguy hiểm: Cây to, cột điện, dốc đất đá, khu vực nước sâu, suối, sông, dòng nước chảy xiết		1, 3, 8 9	
	24-36 tháng	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở				
14	18-24 tháng	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế…) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (leo trèo lên lan can, đu bám giá đồ chơi, xô đẩy bạn, nghịch các vật sắc nhọn, sờ tay vào ổ điện, chọc phá các con vật, không lại gần các con thú dữ, ăn quả không rõ nguồn gốc, chơi ở lòng đường xe chạy, đùa nghịch trên xe, không chơi gàn ao, hồ, sông...		1, 3, 5, 7, 8, 9	
	24-36 tháng	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn ..) khi được nhắc nhở.				

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
			Chung	Riêng		
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức						
Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan						
15	18-24 tháng	- Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe...để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ chơi (đồ vật) vừa mới cất dấu	- Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh	2->9	
	24-36 tháng	- Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.		- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... để nhận biết đặc điểm nổi bật: Tên gọi, mầu sắc, hình dạng, mùi vị ... của đồ vật, hoa, quả quen thuộc, gần gũi có tại quê hương, địa phương: + Nếm vị của một số thức ăn: canh, món xào, món luộc (mặn, chua).., quả (ngọt, chua) + Ngửi một số loại hoa quen thuộc - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.		

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
			Chung	Riêng		
**** Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ, lời nói***						
16	18-24 tháng	- Trẻ bắt chước hành động đơn giản của người lớn.		- Bắt chước hành động của người lớn như: Đi, đứng, nói, cười...	1, 3, 4	
	24-36 tháng	- Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc		- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân + Bạn trai: Bóng, ô tô... + Bạn gái: Búp bê, nấu ăn.. - Đồ dùng, đồ chơi của nhóm lớp		
17	18-24 tháng	- Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi	- Tên (và một số đặc điểm bên ngoài) của bản thân: Bạn trai, bạn gái - Tên (công việc) của một số những người thân gần gũi trong gia đình: Tên công việc của bố mẹ, của anh chị em, nhóm lớp	- Hình ảnh của bản thân trong gương	1,2,3	
	24-36 tháng	- Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.		- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.		
18	18-24 tháng	- Trẻ chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi	- Tên (chức năng chính) một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, chân, tay		2	
	24-36 tháng	- Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.				

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
			Chung	Riêng		
19	18-24 tháng	- Trẻ chỉ/lấy/nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn	- Tên, đặc điểm nổi bật (công dụng) của đồ dùng đồ chơi (cách sử dụng) đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Tên (đặc điểm nổi bật và công dụng) của phương tiện giao thông gần gũi - Tên và một vài đặc điểm nổi bật (một số đặc điểm nổi bật) của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc		1,3->9	
	24-36 tháng	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.				
20	18-24 tháng	- Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu xanh hoặc đỏ theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn	- Màu xanh, đỏ		3, 4, 7, 8	
	24-36 tháng	- Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu		- Màu vàng		
21	18-24 tháng	- Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi có kích thước to – nhỏ	- Kích thước to – nhỏ		2, 3, 4, 7, 8	
	24-36 tháng	- Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu		- Hình tròn, hình vuông - Vị trí trong không gian (trên- dưới - trước - sau) so với bản thân trẻ - Số lượng(một - nhiều), đếm vẹt		

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
			Chung	Riêng		
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ						
**** Nghe hiểu lời nói***						
22	18-24 tháng	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơ giản: Đi đến đây, đi rửa tay... - Hiểu được từ "không": dừng hành động khi nghe " Không được lấy" " không được sờ"	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Nghe và thực hiện một số yêu cầu (các yêu cầu) bằng lời nói		1->5,9	
	24-36 tháng	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. VD: "Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!"				
23	18-24 tháng	- Trẻ có thể trả lời các câu hỏi: "Ai đây?"; "Con gì đây?"; "cái gì đây?"	- Nghe các câu hỏi: "Cái gì?"; "Để làm gì?'; "Ở đâu?"; "Như thế nào?" - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? Làm gì? ở đâu? Thế nào? (Để làm gì? Tại sao?)		3->9	
	24-36 tháng	- Trẻ có thể trả lời các câu hỏi: "Ai đấy?"; "Cái gì đây?"; "làm gì?"; thế nào?"				
24	18-24 tháng		- Mở sách, xem tranh (gọi tên) và chỉ vào các nhân vật, sự vật hành động gần gũi trong tranh.		1,3->9	
	24-36 tháng	- Trẻ có thể hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.		- Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có sự gợi ý.		

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
			Chung	Riêng		
	Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu					
25	18-24 tháng	- Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi	- Trẻ phát âm các âm khác nhau		1->9	
	24-36 tháng	- Trẻ phát âm rõ tiếng.				
26	18-24 tháng	- Trẻ đọc được tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Nghe các bài thơ, đồng dao ca dao (hò vè, câu đố), bài hát và truyện (kể), ngắn đơn giản theo tranh.	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	1->9	
	24-36 tháng	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.		- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng		
	Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp					
27	18-24 tháng	- Trẻ nói được câu 2-3 tiếng: Con đi chơi, bóng đá, mẹ đi làm...		- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi.	3,4,5,7, 8, 9	
	24-36 tháng	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.		- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. + Chào hỏi, trò chuyện với cô, với bạn, với người thân. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: "Con gì đây?"; "cái gì đây?"….		
	18-24 tháng	- Trẻ có thể chủ động nói nhu cầu,			1->9	

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
			Chung	Riêng		
28		mong muốn của bản thân (Cháu uống nước, cháu muốn đi chơi...)	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản (và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài)			
	24-36 tháng	- Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: "Con gì đây?"; "cái gì đây?"….			1->9	
29	24-36 tháng	- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép		- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn	3,4	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mĩ						
Biểu lộ sự nhận thức về bản thân						
30	18-24 tháng	- Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi)		- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.	2	
	24-36 tháng	- Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)		- Tên, tuổi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân (bạn trai: Tóc ngắn, mặc quần áo; bạn gái: Tóc dài buộc nơ, mặc váy).		
31	24-36 tháng	- Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích		- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình	4	

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
			Chung	Riêng		
				(sở thích của bản thân) và điều mình không thích		
**** Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi***						
32	18-24 tháng	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Giao tiếp với cô và bạn (với những người xung quanh)		1, 3, 6	
	24-36 tháng	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói				
33	18-24 tháng	- Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.		- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.	2, 3, 6	
	24-36 tháng	- Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi		- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận		
		- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ				
34	18-24 tháng	- Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật	- Quan tâm đến các con vật nuôi: Gọi tên, bắt chước tiếng kêu của một số con vật gần gũi		4, 5	
	24-36 tháng	- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi; bắt chước tiếng kêu, gọi				

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
			Chung	Riêng		
	**** Thể hiện hành vi xã hội đơn giản***					
35	18-24 tháng	- Trẻ biết chào, tạm biệt khi được nhắc nhở		- Thực hiện một số hành vi giao tiếp như: Chào, tạm biệt, cảm ơn, nói từ: "ạ", "dạ".	1, 2, 3, 6	
	24-36 tháng	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ		- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ "dạ", "vâng ạ", chơi cạnh bạn, không cấu bạn.		
36	18-24 tháng	- Trẻ có thể bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi (Thể hiện một số hành vi qua việc chơi thao tác vai (bế em, cho em ăn, nấu cho em ăn, nghe điện thoại...)		1->9	
	24-36 tháng	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)				
37	24-36 tháng	- Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác		- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn, không cào cấu bạn.	1, 5, 8, 9	

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
			Chung	Riêng		
38	18-24 tháng	- Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn		- Làm theo yêu cầu đơn giản của người lớn	1->9	
	24-36 tháng	- Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn		- Thực hiện yêu cầu đơn giản của cô giáo như: Ngồi vào ghế, đi vệ sinh.. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định, ăn xong cất bát vào rổ...		
39	18-24 tháng	- Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay...)	- Nghe hát, nghe nhạc: Nghe làn điệu dân ca của địa phương, những bài hát ru..., nghe âm thanh của các nhạc cụ: Xắc xô, phách tre, trống, khèn, sáo... (với các giai điệu khác nhau). - Hát theo/ hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.		1->9	
	24-36 tháng	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc				
40	18-24 tháng	- Trẻ thích vẽ, xem tranh	- Xem tranh	- Tập cầm bút vẽ	1->9	
	24-36 tháng	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc), xâu vòng		- Vẽ các đường nét khác nhau, cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc. - Nặn xoay tròn, lăn dọc .. - Xé, vò giấy vụn - Xếp hình từ các khối gỗ, các vật liệu trong thiên nhiên...		

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ
Năm học: 2025-2026

Thời gian	TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ hội	Điều chỉnh
Từ 08/9-03/10/2025	1	Bé vui đến trường – Tết trung thu (4 tuần)	Ổn định nề nếp	Từ 01/9-5/9/2025	- Ngày khai giảng (thứ 6 ngày 5/9) - Tết trung thu	Tổ chức toàn trường
			Bé và các bạn	1 tuần (Từ 08/9-12/9/2025)		
			Tên cô giáo và các hoạt động ở lớp	1 tuần (Từ 15-19/9/2025)		
			Lớp học của bé	1 tuần (Từ 22-26/9/2025)		
			Tết Trung thu	1 tuần (Từ 29/9- 3/10/2025)		
Từ ngày 06/10 – 31/10/2025	2	Bản thân (4 tuần)	Bé là ai	1 tuần (Từ 6-10/10/2025)	- Ngày phụ nữ VN (Thứ 2, ngày 20/10)	
			Cơ thể kì diệu của bé	2 tuần(Từ 13-24/10/2025)		
			Bé cần gì để lớn	1 tuần(Từ 27 -31/10/2025)		
Từ ngày 03/11 – 28/11/2025	3	Gia đình – Ngày hội của cô giáo (4 tuần)	Mẹ và những người thân yêu	1 tuần(Từ 3-7/11/2025)	- Ngày nhà giáo VN (Thứ 5 ngày 20/11)	Tổ chức toàn trường
			Đồ dùng trong gia đình bé	1 tuần(Từ 10-14/11/2025)		
			Ngày hội của cô giáo	1 tuần(Từ 17-21/11/2025)		
			Đồ dùng trong GĐ bé	1 tuần(Từ 24-28/11/2025)		
Từ ngày 01/12 – 26/12/2025	4	Đồ dùng, đồ chơi của bé (4 tuần)	Đồ chơi yêu thích của bé	2 tuần(Từ 01/12-12/12/2025)		
			Đồ dùng của bé	2 tuần(Từ 15/12-26/12/2025)		
Từ ngày 29/12 – 23/01/2026	5	Những con vật đáng yêu	Con vật nuôi trong gia đình	2 tuần(Từ 29/12-09/1/2026)	- Tết dương	
			Con vật sống dưới nước	1 tuần(Từ 12/1-16/1/2026)		

		(4 tuần)	Con vật sống trong rừng	1 tuần(Từ 19/1-23/1/2026)	lịch (thứ 5	
Từ ngày 26/1– 27/2/2026	6	Ngày tết vui vẻ (4 tuần)	Ngày tết vui vẻ	2 tuần(Từ 26/1-06/2/2026)	- Tết nguyên đán	
			Bé vui đón tết	1 tuần(Từ 09-13/2/2026)		
			Nghỉ tết nguyên đán	Từ 16-20/2/2026		
			Mùa xuân tươi đẹp	1 tuần(Từ 23-27/2/2026)		
Từ ngày 02/3 – 27/3/2026	7	Cây và những bông hoa đẹp (4 tuần)	Một số loại cây	1 tuần(Từ 02/3-6/3/2026)		
			Một số loại hoa	1 tuần(Từ 9/3-13/3/2026)		
			Một số loại quả	1 tuần(Từ 16-20/3/2026)		
			Một số loại rau	1 tuần(Từ 23-27/3/2026)		
Từ ngày 30/3 – 24/4/2026	8	Bé đi khắp nơi bằng PTGT gì (4 tuần)	PTGT đường bộ	2 tuần(Từ 30/3-10/4/2026)	- Gỗ tổ Hùng Vương (Chủ nhật 26/4)	
			PTGT đường thủy	1 tuần(Từ 13-17/4/2026)		
			PTGT đường hàng không	1 tuần(Từ 20-24/4/2026)		
Từ ngày 27/4 – 22/5/2026	9	Mùa hè - Bé lên mẫu giáo (3 tuần)	Ôn tập	Từ 28,29/5/2026	- Ngày 30/4; 1/5 (thứ 5, 6)	
			Mùa hè đến	2 tuần(Từ 04/5-15/5/2026)		
			Bé lên mẫu giáo	1 tuần(Từ 18/5-22/5/2026)		
Tổng cộng				**35 tuần**		

Ngày 28 tháng 08 năm 2025

P. HIỆU TRƯỞNG
(Ký duyệt)

Vũ Thị Sơn Ca

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Lò Thị Thanh